

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 15-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Na Rết;

Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Hay – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 01/01/1980 tại huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp Thạnh B, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Duy Thị K; có chồng tên Huỳnh Văn C đã ly hôn, có 01 người con sinh năm 2002; tiền án: Không. Tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022 đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Ông Mã Phát B, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa K, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Kiều N, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Huỳnh P, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa K, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh L và bị hại ông Mã Phát B có quan hệ quen biết nhau từ nhiều năm.

Vào sáng ngày 14/7/2020 bị cáo L có hẹn bị hại B tại quán cà phê Phúc K, địa chỉ ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, khi thấy ông B có xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future FI, biển số 83P3 – 759.24 nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên đem đi cầm lấy tiền trả nợ cá nhân, vì thời điểm này bị cáo đã nợ tiền của nhiều người. Sau khi uống cà phê thì bị cáo nói dối với ông B cho bị cáo mượn xe đi đến Tòa án nhân dân huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng để giải quyết công việc, xong sẽ trả xe ngay trong ngày, ông B đồng ý nên giao xe cùng với giấy tờ xe cho bị cáo.

Sau khi lấy được xe bị cáo không đi Tòa án nhân dân huyện Mỹ X mà chạy về nhà, đến chiều cùng ngày đem xe đến dịch vụ cầm đồ Bích C, địa chỉ ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T để cầm lấy số tiền 17.000.000 đồng, số tiền này bị cáo trả nợ cho bà Nguyễn Thị P 10.000.000 đồng, số tiền còn lại thì tiêu xài cá nhân.

Đối với bị hại ông B đến chiều cùng ngày không thấy bị cáo trả xe như hứa hẹn nên đã điện thoại cho bị cáo để đòi lại xe, lúc này bị cáo nói với bị hại là xử lý công việc chưa xong nên hẹn vào ngày 15/7/2020 sẽ trả lại xe. Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 16/7/2020 ông B nhiều lần điện thoại để đòi lại xe thì bị cáo nói dối với ông B là xe đã bị Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng tạm giữ do bị cáo chạy xe vượt tốc độ cho phép, đồng thời yêu cầu ông B thuê xe người khác đi làm, bị cáo sẽ chịu chi phí thuê xe.

Sau nhiều lần đòi lại xe không được nên ngày 25/12/2020 ông B đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình Tòa án nhân dân huyện Mỹ X thụ lý, giải quyết vụ án thì ngày 21/9/2022 ông B tố cáo bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 17/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thạnh T kết luận: 01 xe HONDA nhãn hiệu Future FI thời điểm tháng 07/2020 có giá là 21.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 03/CT-VKSTT ngày 30/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, đề nghị ấn định thời gian thử thách gấp đôi thời gian cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc

bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại ông Mã Phát B yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật, về trách nhiệm dân sự đã nhận của bị cáo số tiền 2.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Tại lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan Điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều N vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt không cản trở việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/7/2020 bị cáo Nguyễn Thị Thanh L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại ông Mã Phát B là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future FI mang biển số 83P3 – 759.24. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả để lừa dối ông B, hứa làm thủ tục vay vốn tín dụng giúp ông B rồi sau đó mượn xe ông B để đi Tòa án nhân dân huyện Mỹ X để giải quyết công việc nhưng thực chất là đem xe đi cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 17/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh T kết luận giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng số 03/CT-VKSTT ngày 30/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điều luật đã viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo tuy mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi

xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, cần có một mức án tương thích để đảm bảo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, lần phạm tội này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] Do bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này có chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Mã Phát B số tiền 5.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí đều đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án ngày 15/3/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh L cho Ủy ban nhân dân xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh L có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại ông Mã Phát B số tiền thiệt hại về tài sản 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Công an huyện Thạnh Trị
(Cơ quan điều tra, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, CQTHAHS);
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nghiệp